

Chuyên đề  
**Nhìn lại cuộc chiến 1954-1975**

Allen S. Whiting

**1964-1965: Hỗ trợ Việt Nam chống Mỹ**

Nguyễn Việt dịch

Những người phụ trách:  
Hoài Phi, Ngô Hải  
Phạm Thị Hoài

**talawas**

<http://www.talawas.org>  
[red@talawas.org](mailto:red@talawas.org)

ALLEN S. WHITING

**1964-1965: Hỗ trợ Việt Nam chống Mỹ**

NGUYỄN VIỆT DỊCH

**Bối cảnh**

Mùa xuân năm 1964, chính quyền Johnson bắt đầu cảnh báo Hà Nội có thể sẽ cho chiến tranh leo thang nếu Hà Nội không ngừng việc hỗ trợ sự nổi dậy tại Nam Việt Nam. Cùng lúc đó, một nhóm hỗn hợp gồm cả bên chính phủ lẫn CIA được giao trách nhiệm dự đoán các phản ứng của Cộng sản (Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô) trước các hoạt động leo thang. Sau khi đáp ứng yêu cầu nhóm này đã được mở rộng, có thêm cả các đại diện từ Bộ Quốc phòng. Trong mười sáu tháng tiếp theo, nhiều đánh giá, cả đơn lẻ lẫn tập thể, đều cho rằng tình hình đang leo thang ở cả hai bên. Cuối cùng vào tháng Bảy năm 1965 Washington quyết định đưa 70.000 quân tới tham chiến tại Nam Việt Nam, đồng thời tiến hành ném bom Bắc Việt.

**Dự đoán**

Vào tháng Ba năm 1964, INR/RFE [nhóm phân tích thuộc bộ phận Viễn Đông] cảnh báo Bắc Kinh có thể hỗ trợ Hà Nội tới mức cần thiết nhằm giúp cho Bắc Việt tồn tại được. Việc này có thể không liên quan gì tới sự can thiệp ở miền Nam tuy Trung Quốc có thể vẫn cung cấp vũ khí để duy trì và củng cố sự nổi dậy ở đây. Tuy nhiên, Bắc Kinh có thể cung cấp không quân yểm hộ tại miền Bắc, ngay cả khi việc này có thể dẫn tới nguy cơ phải đối đầu với không lực Mỹ và “các biện pháp đặc biệt” [hot pursuit]. Lời dự báo này được nhắc lại vào đầu năm 1965.

**Phân tích**

Các động cơ lẫn lộn mà người ta nghĩ là Bắc Kinh đang có xuất hiện trên giả thuyết về một tác nhân tâm cơ quốc gia nhằm định ra các lợi ích chiến lược và chính trị bên trong một khuôn khổ tồn tại từ trước. Trong cuộc xung đột Triều Tiên, Bắc Kinh đã liều lĩnh tiến hành chiến tranh với Mỹ trong khi Trung Quốc còn chưa kịp phục hồi từ hơn một thập niên chịu xâm lược nước ngoài và nội chiến, cũng chưa có năng lực chiến đấu hiện đại. Động cơ đầu tiên là an ninh chống lại một kẻ thù về ý hệ liên kết với đối thủ của nó trong cuộc nội chiến, động cơ thứ hai là sự sống còn của một chế độ cộng sản nằm liên kề, đang bị “đế quốc Mỹ” đe dọa. Giữa những năm 1960 sức mạnh của chế độ đã tăng đáng kể, dù cho có nhiều thất bại từ Đại Nhảy Vọt. Nó sở hữu một lực lượng máy bay chiến đấu lớn tuy rằng hơi cũ kỹ, một quân đội hùng hậu, và một lực lượng hải quân bảo vệ bờ biển mới khai sinh. Washington vẫn duy

trì liên minh với Tưởng Giới Thạch, thể hiện trong việc xây dựng các lực lượng Quốc Dân Đảng và các chiến dịch ngầm trên diện rộng chống lại chế độ ở đại lục, đặc biệt là ở Tây Tạng. Mặc dù nguy cơ về sự xâm chiếm đã bị đẩy lùi vào năm 1962, nó vẫn có khả năng quay trở lại, hoặc theo cách thức trực tiếp, hoặc thông qua việc lan rộng sự gây hấn của Mỹ tại Đông Nam Á.

Thêm vào đó, Mao đã thách thức địa vị lãnh đạo chủ nghĩa cộng sản thế giới của Khrushchev vì chủ trương của Khrushchev là từ bỏ đối đầu với Mỹ. Hồ Chí Minh né tránh tranh cãi công khai nhưng đứng về phía Mao trong việc từ chối ký Hiệp ước Cấm Thử nghiệm hạt nhân Xô-Mỹ. Lại một lần nữa, cũng như ở Triều Tiên, thêm một chế độ cộng sản bị Washington tấn công. Căn cước của Trung Quốc ở vai trò vừa là một cường quốc châu Á vừa là một cường quốc cộng sản bị đe dọa.

Trong hoàn cảnh ấy Bắc Kinh có thể lặp lại hành động can thiệp vào Chiến tranh Triều Tiên của mình nếu thấy cần thiết, mặc dù nó có thể sẽ hạn chế nguy cơ leo thang ở mức độ có thể. Thoạt đầu có nó có thể cung cấp một vùng hậu phương nhằm hỗ trợ cho Bắc Việt, tức là bao gồm cả phòng không yểm hộ ở mức độ nào đó để ngăn cản hay ít nhất là giúp kháng cự trong các cuộc không kích Hà Nội, Hải Phòng và các con đê của sông Hồng. Quân Trung Quốc sẽ không chiến đấu ở Nam Việt Nam nhưng sẽ bảo vệ Bắc Việt chống lại sự xâm chiếm của Mỹ nếu cần.

Phân tích trên đây hoàn toàn chỉ dựa trên suy luận logic mà không có thông tin tình báo mật nào để hỗ trợ. Nó rút ra từ các sự kiện tháng Tám năm 1964 khi những chiếc MiG của Trung Quốc do phi công Việt Nam lái xuất hiện ở miền Bắc tiếp theo các đợt không kích của Mỹ sau vụ Vịnh Bắc Bộ. Việc này có thể được xem như là tiến triển của kế hoạch Trung-Việt về bảo vệ Hà Nội thông qua đào tạo phi công và cung cấp thiết bị không quân, có thể là tiền đề cho các đơn vị Trung Quốc nếu cần.

Theo sau dự báo INR/RFE, tình báo mật cũng củng cố phân tích này. Vào tháng Mười hai năm 1964, nhờ ảnh chụp có thể định vị được một căn cứ không quân mới của Trung Quốc xây gần biên giới, ở vị trí có thể chi viện tối đa cho Bắc Việt. Thêm vào đó, một căn

cứ có sẵn sâu hơn vào trong nước nhận thêm gấp đôi quân cụ, cho thấy ở đây đã được điều đến thêm một lực lượng không quân riêng biệt. Cùng lúc, việc đưa những chiếc MiG tối tân nhất của Trung Quốc vào thực địa trong vùng cũng tiến triển nhanh chóng. Hơn nữa, một hệ thống radar hỗn hợp xuất hiện bao phủ từ vùng ranh giới Bắc-Nam Việt Nam cho đến Nam Trung Quốc. Tháng Một năm 1965, các cuộc tập trận chung được tổ chức ngay bên dưới biên giới Trung-Việt. Tháng Năm, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Giải phóng Nhân dân La Thụy Khanh cho in một phân tích chiến lược ủng hộ tấn công địch đối nghịch với phương thức truyền thống của Mao về lừa địch dần sâu vào cuộc chiến. Mặc dù cái tên Việt Nam không được nêu lên, một cách ngầm ẩn phân tích này đã ủng hộ việc tấn công không lực Hoa Kỳ ở bên kia biên giới thay vì chỉ phản ứng khi nào đối phương vượt biên giới tiến vào Trung Quốc.

### Kết quả

Lực lượng phòng không yểm hộ Trung Quốc chưa bao giờ xuất hiện tại Bắc Việt. Tuy nhiên, trường bay thứ hai ở Nam Trung Quốc đã được không quân Việt Nam sử dụng cho công việc sửa chữa và để quay trở lại Bắc Việt tham chiến từ các căn cứ tại đó. Hơn thế nữa, vào tháng Chín năm 1965 các tiểu đoàn công binh và kỹ sư đường sắt của Quân đội Giải phóng Nhân dân cùng các sư đoàn đối không bắt đầu có mặt ở Việt Nam. Việc này tiếp tục cho tới giữa năm 1968, vào lúc những lực lượng này rút đi sau khi Tổng thống Johnson giảm bớt cường độ và địa bàn ném bom và đồng ý đàm phán ở Paris. Trong khi có sự hiện diện của Quân đội Giải phóng Nhân dân tại Bắc Việt, không quân Mỹ và các đơn vị mặt đất của Trung Quốc liên tục giao chiến với nhau. Người Trung Quốc sửa cầu, đường, các tuyến đường sắt từ Hà Nội lên biên giới sau những đợt không kích của Mỹ. Họ cũng xây dựng một căn cứ rộng lớn ở Tây Bắc Việt Nam, bao gồm một đường băng dài 5.000 foot, hơn 100 tòa nhà, và các loại súng phòng không đặt trên các ngọn đồi xung quanh.

### Đánh giá

Theo giới chức Việt Nam tại một cuộc hội thảo với các học giả Mỹ về đề tài chiến tranh, tổ chức ở Hà Nội tháng Mười hai năm 1988, Bắc Kinh đã hứa sẽ cung cấp không quân yểm hộ cho Hà Nội nhưng “tháng Sáu năm 1965 lại thông báo với chúng tôi là sẽ không thể giữ được lời hứa”. Thời điểm này tương ứng với một thay đổi quan trọng trong chính quyền Bắc Kinh. Vào một thời điểm giữa tháng Năm và tháng Chín, La Thụy Khanh mất chức, sau đó Lâm Bưu cho in một cuốn sách quan trọng bàn về chiến

tranh du kích ngầm chối bỏ chiến lược tiến công của La và cùng với đó là mọi cuộc chiến trên không mạnh mẽ. Có vẻ như là hỗ trợ trên mặt đất đã trở thành hình thức thay thế trong những giúp đỡ đối với Hà Nội.

Dự đoán của INR/RFE đã đúng vào thời điểm nó được thực hiện, năm 1964, và được nhắc lại vào đầu năm 1965. Sau đó thì nó sai vì không biết đến sự chia rẽ bên trong giới lãnh đạo Trung Quốc và liên quan tới đó là một sự đánh giá lại về quyết định có nên liều lĩnh hay không. Sự xác nhận cho dự đoán đặt ra bởi tình thế đó được minh họa bằng một sự cố hồi mùa xuân năm ấy. Tháng Tư năm 1965, lần đầu tiên những chiếc MiG của Trung Quốc xuất kích chống lại máy bay chiến đấu Mỹ đang bay qua đảo Hải Nam sau khi thực hiện không kích ở Bắc Việt. Người Trung Quốc bắn rơi hai máy bay, theo nguồn tin của Mỹ. Bắc Kinh phủ nhận thông tin này, cho rằng các máy bay đã tự bắn vào nhau. Lời phủ nhận cho thấy một sự cẩn trọng có tính toán nhằm tránh gây khiêu khích hay tránh một cái cớ cho sự leo thang chiến tranh. Vào lúc đó Quốc vụ khanh Dean Rusk đã hỏi: “Liệu có phải người Trung Quốc sắp can dự vào cuộc chiến tranh này, tại sao họ lại không làm vậy? Khi nào thì họ can dự?” Tôi đáp rằng mặc dù tin họ có thể tham dự, chúng ta cũng sẽ không thể dự đoán thời điểm chính xác vì đó sẽ là lựa chọn riêng của họ nhằm giảm thiểu các nguy cơ về leo thang chiến tranh và tối đa hóa các lợi lộc về chính trị.

Sự công nhận về tính thiếu chắc chắn này đã không thừa nhận thêm một lỗ hổng còn có tính chất nền tảng hơn trong việc dự đoán, đó là tin tưởng vào mô hình hành động của một quốc gia trong khi không biết gì về chính sách hành chính và đối nội của quốc gia đó. Mao với tư cách một nhân vật đặc thù có tầm quan trọng vượt trội cũng đã bị bỏ qua. Sau này nhìn lại, việc ông ta từ chối kết hợp với Moscow về hỗ trợ chung Xô-Trung cho Hà Nội có thể chính là điểm cốt yếu trong việc từ bỏ thỏa thuận ban đầu về cung cấp không quân yểm hộ cho Bắc Việt.

### Viết thêm

Tại cuộc hội thảo đã được nói đến ở trên, người Việt Nam đã rất cay đắng nói về chuyện “bom rơi xuống đầu chúng tôi” như là hậu quả của việc Bắc Kinh không chịu làm theo cam kết cung cấp sự bảo vệ trên không cho Hà Nội. Tuy nhiên, họ cũng công nhận, “Chúng tôi sẽ không bao giờ quên sự hỗ trợ của Trung Quốc, chúng tôi hết sức biết ơn”. Họ cho biết tổng số lượng tối đa của Quân đội Giải phóng Nhân dân vào một thời điểm là 25.000 người. Các đơn vị này

được luân chuyển nhằm tăng kinh nghiệm chiến đấu, do vậy có thể là gần đúng với con số mà Nhân dân nhật báo đưa ra vào năm 1979, theo đó đã từng có 320.000 quân phục vụ tại Việt Nam trong vòng gần ba năm<sup>1</sup>. Nguồn tin này cho biết số “thương vong” là 20.000 trong khi một thông tin công khai khác của Bắc Kinh nói vẫn còn 1.000 người chết nằm lại ở Việt Nam. Ở một khía cạnh khác, trong thời gian chiến tranh Bắc Kinh đã tuyên bố rất chính xác là có khoảng mười máy bay Mỹ từng bị bắn hạ trên bầu trời Trung Quốc.

Thêm vào những giúp đỡ thấy được rõ về phòng không từ mặt đất, sự hiện diện của Quân đội Giải phóng Nhân dân cũng đã được truyền đạt cho tình báo Mỹ thông qua ảnh chụp vệ tinh và các thiết bị nghe lén. Bằng chứng này, kèm với căn cứ khá lớn tại Tây Bắc Việt Nam, đã góp phần ngăn chặn thành công một cuộc xâm chiếm của Mỹ vào Bắc Việt. Sự ngăn cản thực tế này đã hoàn toàn thiếu vắng vào năm 1950 khi Bắc Kinh cảnh báo Washington về việc vượt qua vĩ tuyến 38, nhưng chỉ bằng lời mà không có bước chuẩn bị nào tại Bắc Triều Tiên. Tầm quan

trọng của sự ngăn cản này thực chất đã vượt xa hỗ trợ về đánh trận mà Hà Nội đã nhận được trên thực tế, như đã được chứng thực bởi các hồ sơ giải mật về quá trình ra quyết định tại Washington.

### Tóm tắt

Dự đoán của INR/RFE đã nhìn trước một cách chính xác chiến lược được Trung Quốc đeo đuổi về hỗ trợ chính trị và quân sự cho Việt Nam nhưng sai lầm trong việc xác định việc thực hiện ở cấp độ chiến thuật. Sai lầm này bắt nguồn từ hiểu biết kém về các thay đổi trong quá trình ra quyết định và do vậy chủ yếu không phải là kết quả của lý thuyết bị áp dụng sai. Mặc dù mô hình hoạt động cấp quốc gia cho thấy là sai lầm ở bước cuối cùng, nó sẽ không thể được sửa chữa trước đó dựa trên những thông tin sẵn có. Thêm vào lý thuyết, các yếu tố đặc thù về hình ảnh Bắc Kinh tự có về nó và việc sẵn sàng chịu nguy cơ của nó là rất cần thiết cho công việc dự đoán. ■

**Nguồn:** Thomas W. Robinson và David Shambaugh, eds., *Chinese Foreign Policy – Theories and Practice*, Oxford University Press, 1996: trang 514-517.

---

<sup>1</sup> *Nhân dân nhật báo*, 21/11/1979, 4. Cũng xem John Garver, ‘The Chinese Threat in the Vietnam War’, *Parameters* (Mùa xuân 1992), 73-85.